

Số: **1413/QĐ-BGTVT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính

1. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục I của Quyết định này.
2. Công bố thay thế các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục II của Quyết định này.
3. Công bố bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III của Quyết định này.
4. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế tại Phụ lục IV của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính được công bố sửa đổi và thay thế vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Các Chi cục Hàng hải Việt Nam;
- Các Sở GTVT;
- Lưu: VT, PC (03).



PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

*(Kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 5 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Tên thủ tục	Văn bản QPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Lĩnh vực Hàng hải				
1	Phê duyệt Phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải.	
2	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.	
3	Đăng ký tàu biển không thời hạn	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.	
4	Đăng ký tàu biển có thời hạn	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.	
5	Đăng ký tàu biển tạm thời	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.	
6	Cấp Giấy phép tạm	Nghị định số	Cơ quan đại diện của Việt Nam	

	thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam	171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu	
7	Đăng ký tàu biển đang đóng	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam	
8	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam	
10	Xóa đăng ký	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam	
11	Giao tuyến dẫn tàu	Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
12	Cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài	Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016	Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải	
13	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
14	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
15	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày	Cục Hàng hải Việt Nam	

	viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng (GCNHLNVĐB)	25/11/2016		
16	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
17	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
18	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
19	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016	Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất; cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu thuyền hoạt động	
20	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày	Cục Hàng hải Việt Nam	

	tiêu hàng hải	12/10/2016		
21	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
22	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	
24	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016	Cục Hàng hải Việt Nam	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ THAY THẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục	Thủ tục được thay thế	Văn bản QPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Lĩnh vực Hàng hải					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải biển	Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016	Cục HHVN	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải biển trong trường hợp Giấy phép kinh doanh vận tải biển hết thời hạn hiệu lực	Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016	Cục HHVN	
		Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải biển trong trường hợp Giấy phép kinh doanh vận tải biển bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục được sử dụng hoặc Giấy phép kinh doanh vận tải biển còn hiệu lực nhưng doanh nghiệp có thay đổi các nội dung liên quan thể hiện trong Giấy phép kinh doanh vận tải biển đã được cấp			
3	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy	Đăng ký thay đổi tên chủ tàu biển	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP 27/12/2016	Cục Hàng hải Việt Nam,	Các
		Đăng ký thay đổi			

chứng nhận đăng ký tàu biển	tên tàu biển	Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.
	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu tàu biển	
	Đăng ký thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển	
	Đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực	
	Đăng ký thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển	

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ BÃI BỎ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục	Văn bản QPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Lĩnh vực Hàng hải				
1	Thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải biển trong trường hợp doanh nghiệp vận tải biển đề nghị thu hồi	Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014	Cục HHVN	
2	Gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT; Thông tư số 52/2014/TT-BGTVT	Cục HHVN	

PHỤ LỤC IV
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần I – NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm là di sản văn hóa, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải;

+ Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến quốc phòng và tài sản chìm đắm trong khu vực quân sự;

+ Bộ Công an chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh quốc gia;

+ Bộ Giao thông vận tải chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm như sau:

- Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt. Trước khi phê duyệt phương án trực vớt, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phải báo cáo và nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải;

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ hàng hải đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ sở hữu trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, trong vùng nước cảng biển hoặc vùng biển Việt Nam do chủ sở hữu tài sản chìm đắm tổ chức trực vớt.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ và phân cấp cho các cơ quan sau đây thực hiện:

- Sở Giao thông vận tải phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải tổ chức trục vớt;

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải phê duyệt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm đã xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nhận được không hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và gửi trực tiếp đến người nộp hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức phê duyệt phương án trục vớt trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ; đối với trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trục vớt thì thời hạn này không quá 48 giờ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm theo mẫu;

- Phương án trục vớt tài sản chìm đắm, gồm các nội dung cơ bản sau:

- + Tên, số lượng, loại tài sản chìm đắm;
- + Số lượng, loại hàng chở trên tàu (nếu là tàu thuyền);
- + Khối lượng nhiên liệu trên tàu (nếu là tàu thuyền);
- + Căn cứ tổ chức việc trục vớt;
- + Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản chìm đắm (nếu có);
- + Địa điểm tài sản bị chìm đắm;
- + Dự kiến thời gian bắt đầu và thời hạn trục vớt;
- + Phương tiện tham gia và biện pháp trục vớt;
- + Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình trục vớt;
- + Biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong quá trình trục vớt;
- + Biện pháp bảo quản tài sản bị chìm đắm sau khi được trục vớt;
- + Bàn giao tài sản được trục vớt;
- + Biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm;
- + Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- + Biện pháp phòng, chống cháy, nổ;
- + Dự toán chi phí trục vớt;
- + Đơn vị thực hiện trục vớt.

Đối với phương án trực vớt do chủ sở hữu tài sản lập và thực hiện trực vớt thì phương án không bao gồm nội dung dự toán chi phí trực vớt.

- Các tài liệu, giấy tờ cần thiết khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm.

- Không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm.

- Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Mẫu Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm

TÊN CHỦ TÀI SẢN CHÌM ĐẮM

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20....

TỜ KHAI

Phê duyệt Phương án trực vớt tài sản chìm đắm

Kính gửi:.....¹

Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu tài sản chìm đắm:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh ngày..... tháng... năm.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị¹ xem xét, phê duyệt Phương án trực vớt tài sản chìm đắm theo quy định tại Điều 13 Nghị định số..... về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam với các tài liệu dưới đây:

1. Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.
2. Phương án trực vớt tài sản chìm đắm.
3. Ý kiến của Cảng vụ (nếu có).
4. Các tài liệu, giấy tờ cần thiết có liên quan khác (nếu có).

Kính đề nghị¹ xem xét, giải quyết./.

CHỦ TÀI SẢN CHÌM ĐẮM

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

¹ Tên của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

2. Chấp thuận đặt tên tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đặt tên tàu biển đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam;

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển trả lời chủ tàu bằng văn bản về việc chấp thuận tên tàu biển do chủ tàu lựa chọn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức thích hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai chấp thuận đặt tên tàu biển theo mẫu;

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận tên tàu biển.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai chấp thuận đặt tên.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tàu biển Việt Nam phải được đặt tên và theo nguyên tắc sau đây:

- Tên tàu biển do chủ tàu đặt nhưng không được trùng với tên tàu biển đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam;

- Không sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên của tàu biển, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó;

- Không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

11. Căn cứ pháp lý:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu: Tờ khai chấp thuận đặt tên tàu biển
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Kính gửi:(1).....

To:

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):

Owner (Name, address and ratio of ownership)

Đề nghị đặt tên là:

To request the name

cho ... (2) với các thông số thiết kế dưới đây:

..... *with the following designed particulars*

Hồ hiệu/Số IMO: Dung tích thực dụng:.....

Call sign/IMO number

Net tonnage

Loại tàu: (3)..... Tổng dung tích:

Type of ship

Gross tonnage

Chiều dài lớn nhất: Trọng tải toàn phần:

Length over all

Dead weight

Chiều rộng: Ngày đặt ky:

Breadth

Date of the keel laid

Mớn nước: Nơi đóng:

Draft

Place of building

Công suất máy chính:

M.E. power

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

3. Đăng ký tàu biển không thời hạn

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển không thời hạn đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển (bản chính) đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới (bản chính);

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.
- b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.
- d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... <i>name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):.....

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày ...tháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
The ship Registration office Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Name of transport facility Type of ship (in case of ship registration/registry)

4. Đăng ký tàu biển có thời hạn

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển có thời hạn đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam;

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển (bản chính);

+ Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

+ Biên bản bàn giao tàu (bản chính);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển (bản chính);

+ Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

+ Biên bản bàn giao tàu (bản chính);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyên khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;

- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3).....

name

Hồ hiệu/Số IMO:

Call sign/IMO number

Loại tàu:(4).....

Type of ship

Chiều dài lớn nhất:

Length over all

Chiều rộng:

Breadth

Mớn nước:

Draft

Tổng công suất máy chính:

M.E. power

Trọng tải toàn phần:

Dead weight

Tổng dung tích:

Gross tonnage

Dung tích thực dụng:

Net tonnage

Năm đóng:

Year of building

Nơi đóng:

Place of building

Nơi đăng ký:

Place of registry

Tổ chức đăng kiểm:

Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;

The ship Registration office

3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN

CERTIFICATE OF PERIODICAL REGISTRY

..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký có thời hạn mang cờ quốc tịch Việt Nam trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been periodically registered into the Viet Nam national ships registration book and sailing under Vietnamese flag:

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

.... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

is sailing under Vietnamese flag fromto.....

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):

is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

5. Đăng ký tàu biển tạm thời

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển tạm thời đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển (bản chính) đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới (bản chính);

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao

kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu (bản sao có chứng thực).

- Trường hợp chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu (bản sao có chứng thực).

- Trường hợp thủ tàu đóng mới, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản số liệu dung tích của tàu.

- Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam.

a) Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam có giá trị sử dụng trong 180 ngày kể từ ngày cấp;

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam hết hiệu lực khi tàu biển chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức theo quy định tại Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ, cơ quan đăng ký tàu biển nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam gia hạn đăng ký một lần nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam được cấp lần đầu;

c) Trường hợp sau khi gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam quy định tại mục b nói trên mà tàu biển vẫn chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức vì lý do bất khả kháng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định gia hạn thời gian đăng ký tàu biển tạm thời nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngâm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating production storage and

offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

CERTIFICATE OF PROVISIONAL REGISTRATION

..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký tạm thời vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionally registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (Registration for being Vietnamese flagged ship)

.... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

.....is sailing under Vietnamese flag fromto.....

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (Registration for ownership)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):

.....

is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm

Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized

official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

The ship Registration

office

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

6. Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam đến một trong các Cơ quan đại diện của Việt Nam nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đại diện của Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đại diện của Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đại diện của Việt Nam cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu biển đã qua sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với trường hợp nhận tàu đóng mới ở nước ngoài để đưa tàu về Việt Nam (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản sao có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện của Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đại diện của Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.
- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam chỉ có hiệu lực cho 01 hành trình cụ thể của tàu biển đó và chỉ có giá trị sử dụng từ khi được cấp cho đến khi tàu biển về đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngâm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating production storage and

offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

PROVISIONAL PERMSSION OF FLYING VIETNAMESE FLAG

.....(1)....Chứng nhận(2)... có các thông số dưới đây được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionalpermitted of flying Vietnamese flag:

Tên(3).....	Trọng tải toàn phần:
Name	Dead weight
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
Call sign/IMO number	Gross tonnage
Loại tàu:(4).....	Dung tích thực dụng:.....
Type of ship	Net tonnage
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
Length over all	Year of building
Chiều rộng:	Nơi đóng:
Breadth	Place of building
Mớn nước:	Nơi đăng ký:
Draft	Place of registry
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
M.E. power	Classification Agency

NỘI DUNG CẤP PHÉP

PERMISSION OF

TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Provisional permission of flying Vietnamese flag

.....(2) & (3) được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam kể từ ngày cấp đến khi tàu về đến cảng biển Việt Nam đầu tiên.

..... is permitted of sailing under Vietnamese flag from the date of issuance to the date of her arrival at the first Vietnamese sea port.

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, ratio of ownership).

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration

Issued at, on

Ngày đăng ký:

Date of registration

Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ;
tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship,
publicservice ship, submarine, submersible, floating
production storage and offloading; mobile offshore drilling
unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

7. Đăng ký tàu biển đang đóng

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc hợp đồng mua bán tàu biển đang đóng (bản chính);

- Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm (bản chính); trường hợp tàu không có sống chính thì sử dụng giấy xác nhận của cơ sở đóng tàu, đồng thời có xác nhận của tổ chức đăng kiểm giám sát về việc đã lắp ráp thân vỏ tàu đạt 50 tấn khối lượng hoặc 1% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản

chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn.

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Không có.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN ĐANG ĐÓNG

CERTIFICATE OF REGISTRY UNDER CONSTRUCTION

.....(1) Chứng nhận(2)..... đang đóng có các thông số thiết kế dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that (2) under construction with the following designed particulars has been registered into the Viet Nam National Ships Registration Book:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BIỂN (Registration for ownership)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):

is owed by the shipowner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm

Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized

official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
The ship Registration office Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Name of transport facility Type of ship (in case of ship registration/registry)

8. Đăng ký tàu biển loại nhỏ

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển loại nhỏ đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

+ Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển (bản chính) đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu biển đóng mới (bản chính);

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm Tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định

thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển loại nhỏ.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đăng ký tàu biển loại nhỏ là việc đăng ký tàu biển có động cơ với công suất máy chính dưới 75 kW hoặc tàu biển không có động cơ nhưng có tổng dung tích dưới 50 hoặc có tổng trọng tải dưới 100 tấn hoặc có chiều dài đường nước thiết kế dưới 20 mét và đáp ứng điều kiện sau:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;

- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi;

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài

được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name *Dead weight*

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number *Gross tonnage*

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship *Net tonnage*

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all *Year of building*

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth *Place of building*

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft *Place of registry*

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power *Classification Agency*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):

... is owed by the **owner** (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration Issued at, on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; đồng thời, gửi văn bản thông báo việc cấp lại cho bên nhận thể chấp trong trường hợp tàu đang thế chấp; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đối với trường hợp bị rách nát, hư hỏng; trường hợp tàu đang hoạt động trên biển hoặc đang ở nước ngoài thì có thể sử dụng bản sao giấy chứng nhận đăng ký nhưng chủ tàu phải cam kết và nộp bản gốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký mới được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 10% của mức thu đăng ký không thời hạn

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản; đồng thời thông báo việc cấp lại cho bên nhận thế chấp trong trường hợp tàu đang thế chấp.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển bị mất, bị rách nát, hư hỏng.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR RE-ISSUEING CERTIFICATE OF REGISTRY

Kính gửi:(1)

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):
Owner (Name, address and ratio of ownership)

Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho(2) có các thông số dưới đây:
Kindly re-issue the certificate for the ship with the following particulars

Tên(3).....
Name

Hồ hiệu/Số IMO:
Call sign/IMO number

Số Giấy chứng nhận đăng ký: ; Ngày đăng ký:
Number of registration Date of registration

Lý do đề nghị cấp lại:
Reason of re-issueing

Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):
Relevance documents attachment (if any)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration
office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công
vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public
service ship, submarine, submersible, floating production
storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):

... is owed by the **owner** (*name, address, ratio of ownership*)

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration Issued at, on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating production storage and

offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

10. Xóa đăng ký

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xóa đăng ký đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai xóa đăng ký theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký (bản chính); trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

- Trường hợp tàu biển đang được thế chấp thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của người nhận thế chấp và phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp trước khi tiến hành thủ tục xóa đăng ký tàu biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

8. Phí, lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai xóa đăng ký;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tàu biển Việt Nam được xóa đăng ký tại Việt Nam trong các trường hợp sau:

- Bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt được;
- Mất tích;
- Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
- Không còn tính năng tàu biển;
- Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển.

b) Trong các trường hợp tàu biển không còn tính năng tàu biển và theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển, tàu biển đang thế chấp chỉ được xóa đăng ký tàu biển Việt Nam, nếu người nhận thế chấp tàu biển đó chấp thuận;

c) Khi xóa đăng ký tàu biển hoặc xóa đăng ký tàu biển đang đóng, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký;

đ) Chủ tàu phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký tàu biển trong thời hạn quy định đối với một số trường hợp sau:

- Chậm nhất trong vòng 60 ngày kể từ khi tàu biển không còn tính năng tàu biển; bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không trục vớt được;
- Chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ khi tàu biển bị mất tích;
- Chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ khi chủ tàu không còn trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu Tờ khai xóa đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR DEREGISTRATION

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày ... tháng ... năm

.....
Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký: ; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký

Reasons to deregister

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

11. Giao tuyến dẫn tàu

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Công ty hoa tiêu gửi hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn công ty hoa tiêu hoàn thiện lại hồ sơ;
- Trường hợp nhận qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời cho công ty hoa tiêu;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Danh sách hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu;
- Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định giao tuyến dẫn tàu.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải.

Mẫu Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải

TÊN CÔNG TY

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên công ty:

Người đại diện theo pháp luật:

Mã số đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ:Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải dưới đây cho công ty.....:

1. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

2. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

.....

Vấn bản kèm theo:

1. Danh sách hoa tiêu các hạng (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu).

2. Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

12. Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu biển nước ngoài

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cục Hàng hải Việt Nam.

- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cục Hàng hải Việt Nam.

- Đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cảng vụ hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu.

b) Giải quyết TTHC

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp

+ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp vận chuyên hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền:

+ Cảng vụ Hàng hải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ Hàng hải thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ Hàng hải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Cảng vụ Hàng hải trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Cục Hàng hải Việt Nam để báo cáo.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp vận chuyên hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nội, giàn di động Việt Nam;

+ 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng đại lý hoặc 01 (một) bản sao có chứng thực giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp, hồ sơ bao gồm:

+ Công văn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cho tàu nước ngoài vào vận tải nội địa;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam.

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam;

+ 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng đại lý hoặc 01 (một) bản sao có chứng thực giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài);

+ Phương án chi tiết việc thực hiện vận chuyển hành khách và hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ Hàng hải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Bộ Giao thông vận tải (đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng và phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp).
- Cảng vụ Hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch vào đất liền (đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền).

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải liên quan.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép vận tải biển nội địa.

a) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 01 (một) năm được áp dụng đối với các trường hợp như sau:

- Tàu biển phục vụ 01 (một) cơ sở sản xuất hàng hóa;
- Loại tàu biển mà đội tàu biển Việt Nam chưa có.

b) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 06 (sáu) tháng được áp dụng đối với các loại tàu biển khác không thuộc quy định tại mục a.

c) Trong trường hợp doanh nghiệp đề xuất thời hạn cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa, thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa được cấp theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng không quá 01 (một) năm đối với trường hợp quy định tại mục a, không quá 06 (sáu) tháng đối với trường hợp quy định tại mục b.

d) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa theo chuyên được áp dụng đối với tàu biển vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa;
- Giấy phép vận tải biển nội địa.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

Mẫu Đơn đề nghị

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA

Kính gửi: (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)

- Tổ chức đề nghị:
Địa chỉ: Điện thoại Fax
- Đơn vị quản lý và khai thác tàu:
Địa chỉ: Điện thoại Fax
- Chủ tàu:
Địa chỉ: Điện thoại Fax

Đề nghị cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa Việt Nam với các thông tin sau:

1. Thông tin về tàu:
 - a) Tên tàu:; Quốc tịch:
 - b) Năm đóng:; Loại tàu:
 - c) Hộ hiệu/Số IMO:; Tổng trọng tải (DWT).....
 - d) Tổng dung tích:
2. Thông tin về hàng hóa hoặc hành khách, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:
 - a) Loại hàng vận chuyển hoặc số lượng hành khách:
 - b) Thời hạn vận tải hoặc số chuyến vận tải:
 - c) Tuyến vận tải:

3. Giải trình rõ mục đích, lý do đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và quá trình hoạt động của tàu biển trên tại Việt Nam theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu Giấy phép vận tải biển nội địa do Bộ Giao thông vận tải cấp

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA

Số:/20.../GPVT

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cho phép tàu biển nước ngoài có các thông số cơ bản sau đây được vận tải biển nội địa:

1. Thông tin về tàu:

- a) Tên tàu:; Quốc tịch:
- b) Năm đóng:; Loại tàu:
- c) Hô hiệu/Số IMO:; Tổng trọng tải (DWT).....
- d) Tổng dung tích:

2. Thông tin về hàng hóa, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

- a) Loại hàng:
- b) Thời hạn vận tải: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng .. năm ...
- c) Tuyến vận tải:

3. Thông tin khác:

- a) Nơi cấp, ngày cấp Giấy phép:
- b) Đơn vị quản lý và khai thác tàu (tên, địa chỉ, điện thoại):
- c) Chủ sở hữu tàu (tên, địa chỉ, điện thoại):

BỘ TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu Giấy phép vận tải biển nội địa do Cảng vụ hàng hải cấp

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA

Số:/20.../GPVT

Giám đốc Cảng vụ hàng hảicho phép tàu biển nước ngoài có các thông số cơ bản sau đây được vận tải biển nội địa:

1. Thông tin về tàu:

- a) Tên tàu:; Quốc tịch:
b) Năm đóng:; Loại tàu:
c) Hồ hiệu/Số IMO:; Tổng trọng tải (DWT).....
d) Tổng dung tích:

2. Thông tin về hành khách, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

- a) Số lượng hành khách:
b) Thời hạn vận tải:
c) Tuyến vận tải:

3. Thông tin khác:

- a) Nơi cấp, ngày cấp Giấy phép:
b) Đơn vị quản lý và khai thác tàu (tên, địa chỉ, điện thoại)
c) Chủ sở hữu tàu (tên, địa chỉ, điện thoại):

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

13. Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

+ Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện tàu biển theo mẫu quy định, trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị của thuyền viên hoặc văn bản đề nghị của trường, tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc Quyết định tốt nghiệp; Giấy chứng nhận học bồi dưỡng, nâng cao (nếu có); Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế;

- 02 ảnh màu, cỡ 3 cm x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng gần nhất;

- Giấy xác nhận thời gian tập sự trực ca (đối với trường hợp học bồi dưỡng, nâng cao hoặc chỉ có trình độ sơ cấp nghề) theo mẫu;

- Đối với trường hợp đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ AB; thợ máy AB khi đã có GCNKNCM thủy thủ OS, thợ máy Oiler nộp các thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị của thuyền viên hoặc văn bản đề nghị của trường, tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu quy định; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế; 02 ảnh màu, cỡ 3 cm x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng gần nhất) và Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu Sổ thuyền viên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện tàu biển.

8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 100.000 đồng/GCNKNCM.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện;

- Văn bản đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện;

- Giấy xác nhận thời gian tập sự trên tàu;

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện chung:

- Có đủ độ tuổi lao động và tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

- Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu biển tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Các trường hợp sau đây phải bổ túc những môn chưa học hoặc học chưa đủ:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu ở các trường khác;

+ Tốt nghiệp chuyên ngành cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải;

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển phương tiện thủy nội địa, máy phương tiện thủy nội địa hoặc kỹ thuật điện phương tiện thủy nội địa tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.

- Có đủ điều kiện về chuyên môn và thời gian đảm nhiệm chức danh tương ứng với từng chức danh quy định.

b) Điều kiện chuyên môn

- Thủy thủ trực ca OS:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp trở lên hoặc hoàn thành các học phần lý thuyết theo chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải ngành điều khiển tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

- + Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;
- + Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thủy thủ 02 tháng.
- Thủy thủ trực ca AB:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;
 - + Có thời gian đi biển 18 tháng hoặc tập sự thủy thủ trực ca AB 12 tháng.
- Thợ máy:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp trở lên hoặc hoàn thành các học phần lý thuyết theo chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải ngành khai thác máy tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành máy tàu biển trình độ sơ cấp phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;
 - + Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thợ máy trực ca Oiler 02 tháng.
- Thợ máy trực ca AB:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp trở lên. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;
 - + Có thời gian đi biển 18 tháng hoặc tập sự thợ máy trực ca AB 12 tháng.
- Thợ Kỹ thuật điện
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp trở lên. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.
 - + Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.
 - + Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thợ kỹ thuật điện 03 tháng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

**Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, thủy thủ
trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
THỦY THỦ TRỰC CA, THỢ MÁY TRỰC CA, THỢ KỸ THUẬT ĐIỆN

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:..... 2. Ngày sinh:.....
3. Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số.....
ngày cấp.....nơi cấp.....
4. Địa chỉ thường trú:
5. Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc Quyết định tốt nghiệp số:
ngày cấp, nơi cấp
6. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản số:
ngày cấp nơi cấp.....
7. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển số.....
ngày cấp..... nơi cấp.....
8. Giấy chứng nhận học trái ngành (nếu có) số:
ngày cấp..... nơi cấp.....
9. Giấy chứng nhận học nâng cao (nếu có) số:.....
ngày cấp..... nơi cấp.....
10. Thời gian đi biển hoặc tập sự trên tàu biển :

TT	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Tổng dung tích	Tổng công suất máy chính	Chức danh	Thời gian (từ tháng, năm đến tháng, năm)

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNKNCM cho tôi.

Tôi xin cam những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú: Các Mục 8,9, bắt buộc khai đối với các trường hợp học sơ cấp hoặc trái ngành;
Các mục 5,6,7,8,9 không bắt buộc khai đối với trường hợp đề nghị cấp GCNKNCM chức danh AB.*

**Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ
trục ca, thợ máy trục ca, thợ kỹ thuật điện**

Tên công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v:.....

....., ngày tháng..năm.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam,(tên Công ty)..... đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môncho những thuyền viên của công ty chúng tôi có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMT, ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Ghi chú

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy xác nhận thời gian tập sự trên tàu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:
2. Ngày sinh:.....
3. Nơi sinh:.....
4. Đơn vị công tác hiện nay:.....
5. Thời gian tập sự trực ca trên tàu biển:

TT	Thời gian (từ tháng, năm đến tháng, năm)	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Chức danh	Tổng dung tích(GT)	Tổng công suất máy chính (kW)	Tổng số tháng làm việc trên tàu	Ghi chú

Xác nhận của thuyền trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN CERTIFICATE OF COMPETENCY</p> <p>CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010</p> <p>ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	--

2. Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt trong*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

<p>Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam</i></p> <p>Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:..... <i>the Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that</i></p> <p>Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận: <i>Date of birth of the holder of /thecertificate</i></p> <p>Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc: <i>Has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation</i></p> <p>Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến: <i>Of the Convention, as amended, and</i></p>	<p>Người giữ hợp pháp giấy chứng nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:</p> <p><i>The lawful holder of this certificate may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:</i></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">CHỨC DANH CAPACITY</th> <th style="text-align: center;">HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 40px;"></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Giấy chứng nhận số: <i>Certificate No.</i></p> <p>Cấp ngày: <i>issued on</i></p>	CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)		
CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)				

has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitations indicated until

CHỨC NÃNG FUNCTION	MỨC TRÁCH NHIỆM LEVEL	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Ảnh
3 cm x 4 cm

.....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

.....
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu, bản gốc giấy chứng này phải luôn sẵn có theo Quy tắc 1/2 khoản 11 của Công ước
The original of this certificate must be kept available in accordance with regulation 1/2 paragraph 11 of the Convention while serving on a ship

14. Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

+ Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy công nhận GCNKNCM theo mẫu, trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu;

- Bản sao GCNKNCM;

- 02 ảnh màu, cỡ 3 cm x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy công nhận GCNKNCM.

8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 100.000 đồng/Giấy công nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị cấp giấy công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam đã có GCNKNCM cấp theo quy định của Công ước STCW78 và các sửa đổi.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

**Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy công nhận Giấy chứng nhận
khả năng chuyên môn**

Tên công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng..năm.....

V/v:.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, Công ty (tên công ty)..... đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên có tên sau:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc tịch	Chức danh	Số Giấy chứng nhận KNKM	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Cơ sở dữ liệu điện tử hoặc địa chỉ email của cơ quan cấp GCNKNCM	Thời hạn hợp đồng lao động

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....


Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN CERTIFICATE OF ENDORSEMENT ATTESTING THE RECOGNITION OF THE CERTIFICATE OF COMPETENCY CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010 ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	--

2.2. Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (mặt trong):
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

Cục Hàng hải Việt Nam công nhận rằng Giấy chứng nhận số:

The Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that

được cấp cho:
.....
issued to
Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận:
.....
Date of birth of the holder of the certificate

bởi hoặc đại diện của Chính phủ:
.....
by or on behalf of the Government of

được công nhận phù hợp với các điều khoản của quy tắc I/10 của Công ước nói trên, đã sửa đổi, và người cầm giấy hợp pháp này được phép thực hiện các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến:

is duly recognized in accordance with the provisions of I/10 of the above Convention, as amended, and the lawful holder is authorized to perform the following function, at the levels specified, subject to any limitation indicated until

CHỨC NĂNG FUNCTION	MỨC TRÁCH NHIỆM LEVEL	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Người giữ hợp pháp giấy công nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:
The lawful holder of this endorsement may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:

CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Giấy xác nhận số:

Endorsement No.

Cấp ngày:

Issued on

Ảnh 3 cm x 4 cm Chữ ký người được ủy quyền <i>Signature of duly authorized official</i> Tên người được ủy quyền <i>Name of duly authorized official</i>
--------------------------	--

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:
.....
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu bản gốc giấy công nhận này phải luôn sẵn có theo Quy tắc I/2 khoản 11 của Công ước
The original of this endorsement must be kept available in accordance with regulation I/2 paragraph 11 of the Convention while serving on a ship

15. Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng (GCNHLNVĐB)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng (GCNHLNVĐB) đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

+ Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy xác nhận theo mẫu, trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị của thuyền viên hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận GOC, ROC, Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng;

- 02 ảnh màu, cỡ 3cm x 4cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng gần nhất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận.

8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 100.000 đồng/Giấy xác nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị của thuyền viên;

- Văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thuyền viên đã được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVDĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, HLNVDĐ**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân)
số:..... ngày cấp nơi cấp.....
4. Địa chỉ thường trú
5. Giấy chứng nhận:

TT	Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐĐ	Số GCN	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Nơi cấp	Ghi chú

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận cho tôi./

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC,
ROC, GCNHLNVĐB**

Tên công ty
Số:.....
V/v:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam (tên công ty)..... đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy xác nhận cho những thuyền viên của công ty chúng tôi có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMT, ngày cấp, nơi cấp	Số GCN GOC, ROC, HLNVĐB	Ngày cấp	Ngày hết hạn

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận

Mẫu Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ENDORSEMENT CERTIFICATE ATTESTING THE ISSUANCE OF THE CERTIFICATE CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010 ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	---

Mẫu Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận (mặt trong):
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam
 Cục Hàng hải Việt Nam xác nhận rằng Giấy chứng nhận số:
The Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that
 được cấp cho:

 issued to
 Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận:

Date of birth of the holder of the certificate
 Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc:
Who has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation
 Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến:

Of the Convention, as amended, and has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitation indicated until

CHỨC NĂNG FUNCTION	MỨC TRÁCH NHIỆM LEVEL	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Người giữ hợp pháp giấy xác nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:
The lawful holder of this endorsement may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:

CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Giấy xác nhận số:
Endorsement No.
 Cấp ngày:
Issued on

Ảnh 3 cm x 4 cm Chữ ký người được ủy quyền <i>Signature of duly authorized official</i> Tên người được ủy quyền <i>Name of duly authorized official</i>
--------------------------	--

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate
 Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:
Signature of the holder of the certificate
 Khi phục vụ trên tàu bản gốc giấy xác nhận này phải luôn sẵn có theo Quy tắc 1/2 khoản 11 của Công ước
The original of this endorsement must be kept available in accordance with regulation 1/2 paragraph 11 of the Convention while serving on a ship

16. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

+ Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính theo mẫu, trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính của huấn luyện viên hoặc văn bản đề nghị của trường, cơ sở huấn luyện theo mẫu;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu xác nhận hoàn thành khoá huấn luyện hoặc quyết định tốt nghiệp khoá huấn luyện dành cho huấn luyện viên chính;

- 02 ảnh màu, cỡ 3cm x 4cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng gần nhất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính của huấn luyện viên;
- Văn bản đề nghị của trường, cơ sở huấn luyện.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đã tốt nghiệp khoá huấn luyện dành cho huấn luyện viên chính.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

C
Ộ
N
G
H
Ò
A
X
Ã
H
ỘI
C
H
Ủ
N
G
H
Ĩ
A
V
I
Ệ
T
N
A
M
Đ
ộ
c
l
ậ
p
-
T
ự
đ
o
-
H
ạ
n
h
p
h
ú
c

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN CHÍNH**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:
2. Ngày sinh:
3. Nơi sinh:
4. Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

5. Địa chỉ thường trú.....

Tôi đã học và thi đạt yêu cầu khoá huấn luyện viên chính do(*tên cơ sở đào tạo*)
..... tổ chức từ ngày tháng năm đến ngày tháng
năm

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn
luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, tôi đề nghị Cục Hàng hải
Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận Huấn luyện viên chính cho tôi./

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

Tên Công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v:.....

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, (tên cơ sở đào tạo, huấn luyện) đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính cho các học viên có tên sau (có Quyết định công nhận kết quả thi kèm theo):

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Tên Khoá huấn luyện đã tham dự	Từ ngày đến ngày

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:


- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)


Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính (mặt ngoài):
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH CERTIFICATE OF INSTRUCTOR CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010 ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	--

Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính (mặt trong):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH Cấp theo quy định của Công ước quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và trực ca đối với thuyền viên 1978, sửa đổi 2010 CERTIFICATE OF INSTRUCTOR Issued under the provisions of the International Convention on Standards of training, Certification and watchkeeping for seafarers, 1978, as amended in 2010</p> <div data-bbox="331 902 601 1059" style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ảnh 3 cm x 4 cm</div> <p>Chữ ký người được cấp giấy chứng nhận: <i>Signature of the holder of the certificate</i></p>	<p>Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam <i>By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, the Viet Nam Maritime Administration hereby</i> Chứng nhận: <i>Certifies that</i> Ngày sinh:</p> <p><i>Date of birth</i> Đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu của khóa huấn luyện viên chính theo đúng quy định của Quy tắc..... Công ước nói trên đã sửa đổi <i>Has completed and successfully passed the exam of the training course in instructor Under the provision of the Reg of the above Convention, as amended</i> Giấy chứng nhận số</p> <p><i>Certificate No.</i> Cấp ngày..... <i>Issued on</i></p> <p>..... Chữ ký người được ủy quyền <i>Signature of duly authorized official</i></p> <p>..... Tên người được ủy quyền <i>Name of duly authorized official</i></p>
--	--

17. Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

+ Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu, trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy công nhận đối với các trường hợp hết hạn, sai thông tin hoặc bị hư hỏng (trường hợp thuyền viên đi công tác xa không thể nộp bản chính GCNKNCM hết hạn sử dụng, phải nộp trong vòng 07 ngày kể từ ngày thuyền viên trở về Việt Nam);

- Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp sai thông tin;

- 02 ảnh màu, cỡ 3cm x 4cm, kiểu chứng minh nhân dân, chụp trong vòng 06 tháng gần nhất;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản chính Giấy khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế (trường hợp cấp lại GCNKNCM);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản chính sổ thuyền viên (trường hợp cấp lại GCNKNCM).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

- b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận hoặc giấy công nhận.

8. Phí, lệ phí

- Lệ phí: 100.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại;
- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đối với GCNKNCM hết thời hạn sử dụng phải đáp ứng điều kiện thuyền viên đã đảm nhiệm chức danh phù hợp với GCNKNCM được cấp tổng cộng 12 tháng trở lên trong thời hạn 05 năm tính từ ngày đề nghị cấp lại; trường hợp không đảm bảo đủ thời gian này thì phải tập sự 03 tháng theo chức danh của GCNKNCM trong 06 tháng ngay trước khi đề nghị cấp lại.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Đơn đề nghị cấp lại
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GCNKNCM, GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, TÀU DẦU,
 HÓA CHẤT, KHÍ GA HÓA LỎNG, GIẤY CÔNG NHẬN GCNKNCM, GIẤY CHỨNG
 NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân)
 số..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Số thuyền viên số:ngày cấpnơi cấp.....
5. GCN số ngày cấp ngày hết hạn.....
6. Thời gian đảm nhận chức danh trên tàu biển:

TT	Tên tàu	Chũtàu	Loại tàu	Tổngdung tích	Tổng công suất máy chính	Chứcdanh	Thời gian (từ....đến.....)	Ghichú

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, tôi đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy cho tôi.

Lý do:.....


....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN CERTIFICATE OF COMPETENCY</p> <p>CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010</p> <p>ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	--

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt trong*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

<p>Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam</i></p> <p>Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:..... <i>the Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that</i></p> <p>Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận: <i>Date of birth of the holder of /thecertificate</i></p> <p>Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc: <i>Has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation</i></p> <p>Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến: <i>Of the Convention, as amended, and has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitations indicated</i></p>	<p>Người giữ hợp pháp giấy chứng nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền: <i>The lawful holder of this certificate may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:</i></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">CHỨC DANH CAPACITY</th> <th style="text-align: center;">HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 40px;"></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Giấy chứng nhận số: <i>Certificate No.</i></p> <p>Cấp ngày: <i>issued on</i></p>	CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)		
CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)				

until

CHỨC NÃNG FUNCTION	MỨC TRÁCH NHIỆM LEVEL	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Ảnh
3 cm x 4
cm

.....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

.....
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu, bản gốc giấy chứng này phải luôn sẵn có theo Quy tắc I/2 khoản 11 của Công ước
The original of this certificate must be kept available in accordance with regulation I/2 paragraph 11 of the Convention while serving on a ship

18. Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ của mỗi học viên tham dự khóa đào tạo khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến cơ sở đào tạo, huấn luyện.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đúng quy định, cơ sở đào tạo, huấn luyện hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam.

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, duyệt hồ sơ và ra quyết định người có đủ điều kiện dự khóa đào tạo, huấn luyện, dự thi trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện phải thông báo và nêu rõ lý do.

- Căn cứ báo cáo kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng của Hội đồng thi sỹ quan, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định công nhận kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM).

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ của mỗi học viên nộp tại Cơ sở đào tạo, huấn luyện gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải, Giấy chứng nhận đào tạo nâng cao (nếu có);

+ Bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ tiếng Anh hàng hải;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế;

+ Bản khai thời gian đi biển (không cần xác nhận của tổ chức quản lý thuyền viên) theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực Sổ thuyền viên;

+ Hai ảnh màu, cỡ 3x4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

- Hồ sơ cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi Cục Hàng hải Việt Nam gồm:

+ Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện về việc xét duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan; thuyền trưởng, máy trưởng theo mẫu;

+ Hồ sơ của học viên (gửi kèm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi hồ sơ tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng đến Cục Hàng hải Việt Nam;

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng của Hội đồng thi sỹ quan Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định công nhận kết quả kỳ thi và cấp GCNKNCM sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam; cơ sở đào tạo, huấn luyện;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn có giá trị 05 năm, kể từ ngày cấp. trường hợp tuổi lao động của thuyền viên không còn đủ 05 năm thì thời hạn sử dụng của GCNKNCM tương ứng với tuổi lao động còn lại của thuyền viên theo quy định của pháp luật về lao động.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 100.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng;

- Bản khai thời gian đi biển cho sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng;

- Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện về việc xét duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan; thuyền trưởng, máy trưởng;

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện chung

Để được cấp GCNKNCM, thuyền viên phải có đủ các điều kiện chung sau đây:

- Có đủ độ tuổi lao động và tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định;

- Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu biển tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải hoặc tốt nghiệp

chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Các trường hợp sau đây phải bổ túc những môn chưa học hoặc học chưa đủ:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu ở các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải;
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành tương tự tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải;
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển phương tiện thủy nội địa, máy phương tiện thủy nội địa hoặc kỹ thuật điện phương tiện thủy nội địa tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.
- Có hồ sơ hợp lệ theo quy định;
- Có đủ điều kiện về chuyên môn và thời gian đảm nhiệm chức danh tương ứng với từng chức danh theo quy định.

b) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 3000 GT trở lên

- Điều kiện chuyên môn:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 3 trở lên;
 - + Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Đạt kết quả kỳ thi thuyền trưởng, đại phó tàu từ 3000 GT trở lên.
- Điều kiện đảm nhiệm chức danh:
 - + Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng;
 - + Đối với thuyền trưởng: Có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 3000 GT trở lên tối thiểu 24 tháng hoặc có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 3000 GT trở lên tối thiểu 12 tháng.

c) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT

- Điều kiện chuyên môn:
 - + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng trở lên. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên;
 - + Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;
 - + Đạt kết quả kỳ thi thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT.
- Điều kiện đảm nhiệm chức danh:
 - + Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng;

+ Đối với thuyền trưởng: Có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 12 tháng;

d) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ

- Thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ phải có GCNKNCM của thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT trở lên.

đ) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp trở lên;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 trở lên;

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

- Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

+ Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 24 tháng;

+ Đối với thuyền trưởng: có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 24 tháng.

e) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Hoàn thành chương trình huấn luyện ngắn hạn chuyên ngành điều khiển tàu biển và đạt kết quả thi theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp nghề thì chỉ cần đạt kết quả thi.

- Điều kiện thời gian đi biển: có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

g) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng trở lên hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải ngành điều khiển tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên;

+ Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

+ Có thời gian thực tập được ghi nhận trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Mục A-II/1 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu từ 500 GT trở lên, trong đó có ít nhất 06 tháng đảm nhiệm chức danh thủy thủ trực ca;

+ Trường hợp đã làm sỹ quan boong trên tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ thì phải có ít nhất 06 tháng đi biển trên tàu từ 500 GT trở lên.

h) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ

- Sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ phải có GCNKNCM của sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên.

i) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp trở lên;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 trở lên ;

+ Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu từ 50 GT trở lên.

k) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 3 trở lên ;

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Đạt kết quả kỳ thi máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên.

- Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

+ Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên tối thiểu 24 tháng;

+ Đối với máy trưởng: Có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên tối thiểu 12 tháng.

l) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng trở lên. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên;

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Đạt kết quả kỳ thi máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW.

- Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

+ Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên tối thiểu 24 tháng;

+ Đối với máy trưởng: Có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 12 tháng.

m) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp trở lên;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 trở lên;

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

+ Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 24 tháng;

+ Đối với máy trưởng: có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 36 tháng.

n) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 KW

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Hoàn thành chương trình huấn luyện ngắn hạn chuyên ngành khai thác máy tàu biển và đạt kết quả thi do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; trường hợp đã tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp nghề thì chỉ cần đạt kết quả thi.

- Điều kiện thời gian đi biển: có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

o) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng trở lên hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải ngành khai thác máy tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên;

+ Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

+ Có thời gian thực tập được ghi trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Mục A-III/1 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên trong đó phải có ít nhất 06 tháng đảm nhiệm chức danh thợ máy trực ca;

+ Trường hợp đã đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW thì phải có ít nhất 06 tháng đi biển trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên.

p) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp trở lên.

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 trở lên;

+ Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW trở lên.

q) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện

- Điều kiện chuyên môn:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng trở lên. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

+ Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên;

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan kỹ thuật điện tàu biển.

- Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian thực tập được ghi trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Bảng A-III/6 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

**Mẫu đơn đề nghị tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ,
dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM DỰ KHÓA ĐÀO TẠO NÂNG CAO, KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ, DỰ THI
SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

Kính gửi:

1. Họ và tên: 2. Ngày sinh:
3. Nơi sinh:
4. Đơn vị công tác hiện nay:

Tôi làm đơn này kính đề nghị xét duyệt cho tôi
được tham dự khóa đào tạo
Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu bản khai thời gian đi biển cho sỹ quan thuyền trưởng, máy trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THỜI GIAN ĐI BIỂN CHO SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

Mức:Ngành:

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:
2. Ngày sinh:
3. Nơi sinh:
4. Đơn vị công tác hiện nay:
5. Thời gian đảm nhận chức danh trên tàu biển:

TT	Thời gian (từ tháng, năm đến tháng, năm)	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Chức danh	Tổng dung tích (GT)	Tổng công suất máy chính (kW)	Tổng số tháng làm việc trên tàu	Ghi chú

....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện về khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ để thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp Giấy CNKNCM Sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngàythángnămcủa Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, (tên cơ sở đào tạo, huấn luyện) đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xét duyệt danh sách khóa đào tạo nâng cao, khóa (bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thi thuyền trưởng, máy trưởng) cụ thể như sau:

1. Hồ sơ của học viên (danh sách và hồ sơ kèm theo).
2. Thời gian mở khóa đào tạo, huấn luyện
3. Địa điểm thi:

(Cơ sở đào tạo, huấn luyện) đề Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....


Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (mặt ngoài):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Independence - Freedom - Happiness</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN CERTIFICATE OF COMPETENCY CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN 1978, SỬA ĐỔI 2010</p> <p>ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS 1978, AS AMENDED IN 2010 CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	---

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (mặt trong):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:
the Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that

Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận:
.....
Date of birth of the holder of /the certificate

Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc:
Has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation

Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến:
Of the Convention, as amended, and has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitations indicated until

CHỨC NĂNG FUNCTION	MỨC TRÁCH NHIỆM LEVEL	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Người giữ hợp pháp giấy chứng nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:
The lawful holder of this certificate may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:

CHỨC DANH CAPACITY	HẠN CHẾ (NẾU CÓ) LIMITATION APPLYING (IF ANY)

Giấy chứng nhận số:
Certificate No.

Cấp ngày:
issued on

Ảnh 3 cm x 4 cm Chữ ký người được ủy quyền <i>Signature of duly authorized official</i> Tên người được ủy quyền <i>Name of duly authorized official</i>
-----------------------	--

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:
.....
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu, bản gốc giấy chứng này phải luôn sẵn có theo Quy tắc 1/2 khoản 11 của Công ước
The original of this certificate must be kept available in accordance with regulation 1/2 paragraph 11 of the Convention while serving on a ship

19. Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Thuyền trưởng lập hồ sơ đề nghị xác nhận việc trình kháng nghị đến cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

- Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tại Việt Nam là Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải ở nước ngoài là cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu thuyền hoạt động.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 30 phút, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thuyền trưởng hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời cho người làm thủ tục và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn không quá 01 giờ đối với Cảng vụ hàng hải, Đại diện Cảng vụ hàng hải và 03 giờ đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

- Cơ quan xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tiến hành lưu hồ sơ và gửi trả cho thuyền trưởng các bản kháng nghị hàng hải còn lại đã được xác nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB, bao gồm:

+ Kháng nghị hàng hải (02 bản);

+ Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản);

+ Bản trích sao hải đồ liên quan đến vụ việc (trừ trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra khi tàu thuyền đang neo đậu tại cảng biển) (01 bản).

Các giấy tờ này phải có chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có); đối với bản kháng nghị hàng hải, ngoài chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có con dấu) còn phải có chữ ký của máy trưởng, một sĩ quan hoặc một thủy thủ với tư cách là những người làm chứng.

- Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB), tàu cá, bao gồm:

+ Kháng nghị hàng hải (02 bản);

+ Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản, nếu có);

+ Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (01 bản, nếu có).

Các giấy tờ này phải có chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có); đối với bản kháng nghị hàng hải, ngoài chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có con dấu) còn phải có chữ ký của máy trưởng, một sĩ quan hoặc một thủy thủ với tư cách là những người làm chứng.

- Các giấy tờ phải xuất trình: Đối với tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB phải xuất trình các loại Nhật ký liên quan đến vụ việc (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn không quá 01 giờ đối với Cảng vụ hàng hải, Đại diện Cảng vụ hàng hải và 03 giờ đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất (xác nhận trình việc trình kháng nghị hàng hải tại Việt Nam), cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu thuyền hoạt động (xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải ở nước ngoài);

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất; cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu thuyền hoạt động

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

8. Phí, lệ phí:

- Phí xác nhận kháng nghị hàng hải:

+ Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế: 50 USD/lần

+ Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa: 200.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải;

- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

20. Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định (trường hợp nộp trực tiếp). Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNKNCMHTHH theo mẫu. Trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNKNCMHTHH theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng theo mẫu;

- Tờ khai theo mẫu;

- 03 phiếu sát hạch khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải hạng Ba, 02 phiếu sát hạch đối với hoa tiêu hàng hải hạng Nhì, hạng Nhất và Ngoại hạng), 01 phiếu sát hạch đối với thuyền trưởng tự dẫn tàu theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm chụp trong vòng 06 tháng trở lại;

- Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tại Việt Nam: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 150.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng;
- Tờ khai;
- Phiếu sát hạch;
- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện cấp GCNKNCMHTHH hạng Ba:

- + Đã hoàn thành khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản;

- + Đã thực tập hoa tiêu hàng hải hạng Ba với 400 lượt dẫn tàu an toàn hoặc có 200 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 36 tháng, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận. Trường hợp hoa tiêu tập sự đã đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu biển có tổng dung tích từ 500 GT trở lên thì phải có 200 lượt thực tập dẫn tàu an toàn hoặc có 100 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 24 tháng, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

- Điều kiện cấp GCNKNCMHTHH hạng Nhì đối với hoa tiêu hàng hải đã có GCNKNCMHTHH hạng Ba:

- + Có 300 lượt dẫn tàu an toàn với cương vị hoa tiêu hàng hải hạng Ba hoặc có thời gian đảm nhiệm tốt công việc của hoa tiêu hàng hải hạng Ba tối thiểu 24 tháng với 200 lượt dẫn tàu an toàn, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận;

- + Có 50 lượt thực tập dẫn tàu an toàn đối với loại tàu có tổng dung tích trên 4.000 GT hoặc chiều dài tối đa trên 115 mét; hoặc có thời gian thực tập hoa tiêu hàng hải hạng Nhì tối thiểu 12 tháng với 30 lượt dẫn tàu an toàn, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

- Điều kiện cấp GCNKNCMHTHH hạng Nhì đối với người có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu biển có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên và đã có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tương ứng tối thiểu 36 tháng:

- + Đã hoàn thành khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản;

- + Có 200 lượt thực tập dẫn tàu an toàn đối với loại tàu có tổng dung tích trên 4.000 GT hoặc chiều dài tối đa trên 115 mét; hoặc có 100 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 12 tháng với chức danh thực tập hoa tiêu hàng hải hạng Nhì, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

- Điều kiện, cấp GCNKNCMHTHH hạng Nhất:

- + Đã hoàn thành khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao;

- + Có 50 lượt thực tập dẫn tàu an toàn đối với loại tàu có tổng dung tích trên 10.000 GT hoặc chiều dài tối đa trên 145 mét; hoặc có 30 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 06 tháng thực tập hoa tiêu hàng hải hạng Nhất dưới sự hướng dẫn của hoa tiêu hàng hải có GCNKNCMHTHH từ hạng Nhất trở lên, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

- Điều kiện cấp GCNKNCMHTHH Ngoại hạng:

- + Có GCNKNCMHTHH hạng Nhất;

+ Có 300 lượt dẫn tàu an toàn tối thiểu với cường vị hoa tiêu hàng hải hạng Nhất hoặc có 200 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 36 tháng, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận;

+ Có 50 lượt thực tập dẫn tàu an toàn đối với loại tàu có tổng dung tích trên 20.000 GT hoặc chiều dài tối đa trên 175 mét; hoặc có 30 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian tối thiểu 06 tháng thực tập hoa tiêu hàng hải Ngoại hạng dưới sự hướng dẫn của hoa tiêu hàng hải có GCNKHGMHTHH Ngoại hạng, được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

- Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu:

+ Đã hoàn thành khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu;

+ Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng còn thời hạn;

+ Có tối thiểu 12 lượt dẫn tàu an toàn trong thời gian 06 tháng, được Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu công văn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
“V/v: Cấp GCNKNCMHTTH,
GCNVHĐHTHH”

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BGTVT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải, Công ty đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải cho các ông (bà) có tên dưới đây:

1. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày....tháng....năm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Số GCNKNCM (Đại phó) thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày: ...

Thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu biển:tháng

Thời gian thực tập HTTH hạng Ba:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:.....

Đề nghị cấp GCNKNCMHTTH: hạng Ba

Được dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải:

2. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Số GCNKNCMHTTH hạng Ba: cấp ngày:

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNCMHTTH hạng Ba:tháng; số lượt dẫn tàu:

Số GCNKNCM (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày:.....

Thời gian đảm nhiệm chức danh (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển:tháng

Thời gian thực tập HTTH hạng Nhì: tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNCMHTTH: hạng Nhì

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

3. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày....tháng....năm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Số GCNKNCMHTTH hạng Nhì: cấp ngày:.....

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:.....

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian thực tập dẫn tàu hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNCMHTTH: hạng Nhất

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

4. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Số GCNKNCMHTTH hạng Nhất: cấp ngày:.....

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu)

Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNCMHTHH hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:

Thời gian thực tập HTHH Ngoại hạng:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: Ngoại hạng

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu)

Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....
.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Ghi chú:

Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, tương ứng với hạng hoa tiêu đề nghị

(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

Thủ trưởng đơn vị (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Tờ khai danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn, thời gian thực tập dẫn tàu

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI

Họ và tên hoa tiêu hàng hải/thuyền trưởng:

Sinh ngày: tháng..... năm..... Nơi sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Số GCNKNCMHTHH: ngày cấp:.....

Số GCNVHĐHTHH:..... ngày cấp:.....

Số GCNKNCM: ngày cấp:.....

Khu vực được phép dẫn tàu:.....

.....

.....

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian thực tập dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

TT	Ngày dẫn tàu	Tên tàu	Tổng dung tích	Chiều dài tàu	Tuyến dẫn tàu		Ghi chú
					Từ	Đến	

Xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực
(Nhận xét, ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức hoa tiêu hàng hải (2)
(Nhận xét, đánh giá, ký tên và đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị (1)
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Tích dấu vào ô tương ứng và điền đầy đủ thông tin về yêu cầu.
(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.
(2) Chỉ áp dụng đối với thuyền trưởng

Mẫu phiếu sát hạch/đánh giá khả năng chuyên môn của hoa tiêu hàng hải

Cơ quan chủ quản
Tên tổ chức hoa tiêu hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....


PHIẾU SÁT HẠCH/ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN

Họ và tên hoa tiêu sát hạch/đánh giá:.....
Chức danh:.....
Số GCNKNCMHTHH của hoa tiêu sát hạch/đánh giá: ngày cấp:.....
Số GCNVHĐHTHH của hoa tiêu sát hạch/đánh giá: ngày cấp:.....
Họ và tên người được sát hạch/đánh giá:.....
Sinh ngày:tháng.....năm..... Nơi sinh:.....
Đơn vị công tác:.....
Chức danh:.....
Số GCNKNCMHTHH: ngày cấp:.....
Số GCNVHĐHTHH:..... ngày cấp:.....
GCNKNCM thuyền trưởng: Số Ngày cấp
Ngày sát hạch/đánh giá dẫn tàu: thời gian từ: đến:
Tên tàu: GT: LOA: m
Tuyển sát hạch/đánh giá dẫn tàu:.....
.....
Kết quả sát hạch:
Khả năng giao tiếp: tiếng Việt:điểm; tiếng Anh:điểm (1)
Tuân thủ *Quy tắc quốc tế phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển*: điểm (1)
Kỹ năng điều động tàu:điểm (1)
Tur thể, tác phong: (Đạt/không đạt)
Nhận xét khác:.....
.....


Hoa tiêu sát hạch/Đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải

1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải (mặt ngoài)
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN HOA TIÊU HÀNG HẢI CERTIFICATE OF MARITIME PILOTAGE COMPETENCY</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION</p>
--	--

2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải (mặt trong)
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN HOA TIÊU HÀNG HẢI CERTIFICATE OF MARITIME PILOTAGE COMPETENCY</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 60px; margin: 10px auto; text-align: center;">Ảnh màu 3 cm x 4 cm</div> <p>Số:...../HTHH No.</p>	<p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION</p> <p>Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận: <i>By authorization of Minister of Transport, the Chairman of Vietnam Maritime Administration certifies that</i></p> <p>Ông (bà): <i>Mr (Mrs).</i></p> <p>Sinh ngày: Nơi sinh: <i>Date of birth</i> <i>Place of birth</i></p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality</i></p> <p>Có đủ khả năng để dẫn tàu có tổng dung tích đến (GT): <i>To be able to pilot vessel up to GT</i> và có chiều dài tối đa (mét): <i>or length over all (m)</i></p> <p>Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày: <i>This Certificate is valid until</i></p> <p>Cấp tại Hà Nội, ngày..... tháng..... năm..... <i>Hanoi, date of issue</i></p>
--	--

21. Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải (GCNKNCMHTHH) đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định (trường hợp nộp trực tiếp). Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNKNCMHTHH theo mẫu. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại GCNKNCMHTHH, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại GCNKNCMHTHH, trong đó nêu rõ lý do và có xác nhận của người đứng đầu tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng theo mẫu;

- Bản chính GCNKNCMHTHH cần cấp lại (trường hợp giấy chứng nhận bị hỏng, sai thông tin);

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm chụp trong vòng 06 tháng trở lại;

- Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tại Việt Nam: Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải.

- GCNKNCMHTHH được cấp lại 01 bản chính cho hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng đúng với số của GCNKNCMHTHH bị hỏng, mất.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 150.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp lại GCNKNCMHTHH.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

GCNKNCMHTHH được cấp lại trong trường hợp bị hỏng, mất, sai thông tin hoặc đã hết thời hạn sử dụng. Trường hợp GCNKNCMHTHH hết thời hạn sử dụng phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

- Hoa tiêu hàng hải đã đảm nhiệm chức danh hoa tiêu hàng hải phù hợp với GCNKNCMHTHH từ 24 tháng trở lên trong vòng 05 năm. Trường hợp không đủ 24 tháng thì phải qua thời gian thực tập lại ít nhất 03 tháng được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận. Đối với thuyền trưởng tự dẫn tàu phải hoàn thành ít nhất 12 lượt tự dẫn tàu an toàn (có xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực) trong thời gian sử dụng GCNKNCMHTHH.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Họ và tên: Nam, nữ:
Sinh ngày: Nơi sinh:
Chức danh:
Đơn vị công tác:
GCNKNCMHTHH hạng: Số: Ngày cấp:
GCNVHĐHTHH hạng: Số: Ngày cấp:
GCNKNCM thuyền trưởng: Số Ngày cấp
Được dẫn tàu trong vùng HTHH:

Đề nghị:

1. Cấp lại GCNKNCMHTHH GCNVHĐHTHH
Lý do đề nghị cấp lại (mất, hư hỏng,...):
2. Thay đổi vùng hoạt động HTHH
Được dẫn tàu trong trên các tuyến trong vùng HTHH:

(Nêu rõ tên vùng và các tuyến dẫn tàu)

Thời gian thực tập dẫn tàu: tháng; số lượt dẫn tàu an toàn:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Xác nhận của đơn vị (1)
(Xác nhận, ký tên và đóng dấu)

**Xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực
(2)**
(Xác nhận, ký tên và đóng dấu)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Tích dấu √ vào ô tương ứng và điền đầy đủ thông tin về yêu cầu.

(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

(2) Chỉ áp dụng đối với thuyền trưởng.

22. Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (GCNVHĐHTHH) đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định (trường hợp nộp trực tiếp). Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNVHĐHTHH theo mẫu. Trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNVHĐHTHH, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng theo mẫu;

- Tờ khai theo mẫu;

- Bản sao GCNKNMHTHH;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm chụp trong vòng 06 tháng trở lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tại Việt Nam: Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

8. Phí, lệ phí:

150.000 đồng/Giấy

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng;

- Tờ khai;

- Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có GCNKNCMHTHH.

- Riêng đối với hoa tiêu hàng hải dẫn tàu tại cảng dầu khí ngoài khơi, để được cấp GCNVHĐHTHH thì phải thực tập dẫn tàu an toàn ít nhất 18 lượt tại vùng hoa tiêu hàng hải đó và được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu công văn đề nghị cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

“V/v: Cấp GCNKNCMHTHH,
GCNVHĐHTHH”

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BGTVT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải, Công ty..... đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải cho các ông (bà) có tên dưới đây:

1. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....
Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày....tháng....năm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.
Số GCNKNCM (Đại phó) thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày: ...
Thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu biển:tháng
Thời gian thực tập HTHH hạng Ba:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:.....
Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: hạng Ba
Được dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải:

2. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....
Số GCNKNCMHTHH hạng Ba: cấp ngày:
Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)
Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNCMHTHH hạng Ba:tháng; số lượt dẫn tàu:
Số GCNKNCM (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày:.....
Thời gian đảm nhiệm chức danh (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển:tháng
Thời gian thực tập HTHH hạng Nhì: tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:
Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: hạng Nhì
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

3. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....
Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày....tháng....năm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.
Số GCNKNCMHTHH hạng Nhì: cấp ngày:.....
Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:.....
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)
Thời gian thực tập dẫn tàu hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:
Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: hạng Nhất
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

4. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....
Số GCNKNCMHTHH hạng Nhất: cấp ngày:.....
Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNCMHTHH hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:

.....
Thời gian thực tập HTHH Ngoại hạng:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: Ngoại hạng

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu)

Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....
.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Thủ trưởng đơn vị (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Ghi chú:

Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, tương ứng với hạng hoa tiêu đề nghị

(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

Mẫu Tờ khai danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn, thời gian thực tập dẫn tàu

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI

Họ và tên hoa tiêu hàng hải/thuyền trưởng:

Sinh ngày:tháng..... năm..... Nơi sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Số GCNKNCMHTHH: ngày cấp:.....

Số GCNVHĐHTHH:..... ngày cấp:.....

Số GCNKNCM: ngày cấp:.....

Khu vực được phép dẫn tàu:.....

.....

.....

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian thực tập dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

TT	Ngày dẫn tàu	Tên tàu	Tổng dung tích	Chiều dài tàu	Tuyến dẫn tàu		Ghi chú
					Từ	Đến	

Xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực

(Nhận xét, ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức hoa tiêu hàng hải (2)

(Nhận xét, đánh giá, ký tên và đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị (1)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Tích dấu vào ô tương ứng và điền đầy đủ thông tin về yêu cầu.

(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

(2) Chỉ áp dụng đối với thuyền trưởng


Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

1. Mẫu giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt ngoài)
(Kích thước 14cm x 20cm)

<p>(Tên tuyến dẫn tàu)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Giấy chứng nhận này được gia hạn đến:</p> <p>Thay đổi vùng hoạt động:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Ngày thay đổi:</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận này được cấp đến:</p> <p>Thay đổi vùng hoạt động:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Ngày thay đổi:</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</p>

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM</p>

2. Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt trong)
(Kích thước 14cm x 20cm)

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 80px; margin: 10px auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <p>Ảnh màu 3 cm x 4 cm</p> </div> <p>Số:...../GCN</p>
--

<p style="text-align: right;">CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM</p> <p>Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:</p> <p>Ông (bà):</p> <p>Sinh ngày:</p> <p>Nơi sinh:</p> <p>Quốc tịch:</p> <p>Đơn vị công tác:</p> <p>Có GCNKNCM hoa tiêu hàng hải số:</p> <p>Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải: (Tên vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: right;">Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....</p>
--

23. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (GCNVHĐHTHH) đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định (trường hợp nộp trực tiếp). Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại GCNVHĐHTHH theo mẫu. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại GCNVHĐHTHH, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại GCNVHĐHTHH, trong đó nêu rõ lý do và có xác nhận của người đứng đầu tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng theo mẫu;

- Bản chính GCNVHĐHTHH cần cấp lại (đối với trường hợp giấy chứng nhận bị hỏng, sai thông tin);

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm chụp trong vòng 06 tháng trở lại;

- Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tại Việt Nam: Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 150.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại GCNVHĐHTHH;

- Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

GCNVHĐHTHH được cấp lại trong trường hợp bị hỏng, mất, sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng. Trường hợp GCNVHĐHTHH hết thời hạn sử dụng phải đảm bảo các điều kiện như sau:

- Đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

- Hoa tiêu hàng hải đã đảm nhiệm chức danh hoa tiêu hàng hải phù hợp với GCNKNCMHTHH được cấp từ 24 tháng trở lên trong vòng 05 năm. Trường hợp không đủ 24 tháng thì phải qua thời gian tập lại ít nhất 03 tháng.

- Thuyền trưởng tự dẫn tàu phải hoàn thành ít nhất 12 lượt tự dẫn tàu an toàn (có xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực) trong thời gian sử dụng GCNKNCMHTHH.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Họ và tên: Nam, nữ:
Sinh ngày: Nơi sinh:
Chức danh:
Đơn vị công tác:
GCNKNCMHTHH hạng: Số: Ngày cấp:
GCNVHĐHTHH hạng: Số: Ngày cấp:
GCNKNCM thuyền trưởng: Số Ngày cấp
Được dẫn tàu trong vùng HTHH:

Đề nghị:

1. Cấp lại GCNKNCMHTHH GCNVHĐHTHH

Lý do đề nghị cấp lại (mất, hư hỏng,...):

2. Thay đổi vùng hoạt động HTHH

Được dẫn tàu trong trên các tuyến trong vùng HTHH:

(Nếu rõ tên vùng và các tuyến dẫn tàu)

Thời gian thực tập dẫn tàu: tháng; số lượt dẫn tàu an toàn:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Xác nhận của đơn vị (1)
(Xác nhận, ký tên và đóng
dấu)

**Xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực
(2)**
(Xác nhận, ký tên và đóng dấu)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Tích dấu √ vào ô tương ứng và điền đầy đủ thông tin về yêu cầu.


(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

(2) Chỉ áp dụng đối với thuyền trưởng.


Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

1. Mẫu giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt ngoài)
(Kích thước 14cm x 20cm)

<p>(Tên tuyến dẫn tàu)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Giấy chứng nhận này được gia hạn đến:</p> <p>Thay đổi vùng hoạt động:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Ngày thay đổi:</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận này được cấp đến:</p> <p>Thay đổi vùng hoạt động:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Ngày thay đổi:</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</p>

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI</p> <p>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM</p>

2. Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt trong)
(Kích thước 14cm x 20cm)

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>  <p>GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 80px; margin: 10px auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <p>Ảnh màu 3 cm x 4 cm</p> </div> <p>Số:...../GCN</p>
--

<p style="text-align: right;">CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM</p> <p>Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:</p> <p>Ông (bà):</p> <p>Sinh ngày:</p> <p>Nơi sinh:</p> <p>Quốc tịch:</p> <p>Đơn vị công tác:</p> <p>Có GCNKNCM hoa tiêu hàng hải số:</p> <p>Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải: (Tên vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: right;">Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....</p>
--

24. Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu đối với hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định (trường hợp nộp trực tiếp). Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNVHĐHTHH đối với hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động theo mẫu. Trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNVHĐHTHH đối với hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải theo mẫu;
- Tờ khai theo mẫu;
- Bản sao GCNKNCMHTHH;
- 02 ảnh màu cỡ 3cm x 4 cm chụp trong vòng 06 tháng trở lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tại Việt Nam: Cục Hàng hải Việt Nam;
- b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

GCNVHĐHTHH đối với hoa tiêu chuyên vùng hoạt động.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 150.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn của tổ chức hoa tiêu hàng hải;
- Tờ khai;

- Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động phải có thời gian thực tập dẫn tàu ít nhất 06 tháng tại vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải nơi chuyển đến với số lượt dẫn tàu an toàn tối thiểu (được tổ chức hoa tiêu nơi thực tập sát hạch, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận) theo quy định dưới đây:

- 100 lượt đối với các vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải: Quảng Ninh (trừ tuyến dẫn tàu vào khu chuyển tải Vạn Gia); Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định (trừ tuyến dẫn tàu vào các cảng biển Thái Bình, Nam Định); thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bình Dương - Long An và Bà Rịa - Vũng Tàu - sông Tiền (trừ tuyến dẫn tàu quá cảnh qua sông Tiền);

- 30 lượt đối với các vùng hoa tiêu hàng hải còn lại.

b) Hoa tiêu hàng hải chuyên vùng hoạt động tại cảng dầu khí ngoài khơi thì phải có thời gian thực tập dẫn tàu ít nhất 03 tháng và 18 lượt dẫn tàu an toàn.

c) Đối với hoa tiêu hàng hải được cấp GCNVHĐHTHH tại 02 vùng trở lên, nếu quá 12 tháng quay lại vùng hoạt động cũ thì phải thực tập với số lượt dẫn tàu an toàn tối thiểu như sau:

- 06 lượt đối với hoa tiêu hàng hải dẫn tàu tại cảng dầu khí ngoài khơi;

- 30 lượt đối với từng hạng hoa tiêu hàng hải còn lại.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu công văn đề nghị cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

“V/v: Cấp GCNKNMHTHH,
GCNVHĐHTHH”

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BGTVT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải, Công ty đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải cho các ông (bà) có tên dưới đây:

1. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày...tháng...năm ... của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Số GCNKNCM (Đại phó) thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày:

Thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu biển:tháng

Thời gian thực tập HTHH hạng Ba:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:.....

Đề nghị cấp GCNKNMHTHH: hạng Ba

Được dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải:

2. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Số GCNKNMHTHH hạng Ba: cấp ngày:

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNMHTHH hạng Ba:tháng; số lượt dẫn tàu:

Số GCNKNCM (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển: cấp ngày:.....

Thời gian đảm nhiệm chức danh (Đại phó) Thuyền trưởng tàu biển:tháng

Thời gian thực tập HTHH hạng Nhì: tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNMHTHH: hạng Nhì

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

3. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Đã hoàn thành Khóa đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao theo Quyết định số/QĐ-CHHVN ngày...tháng...năm ... của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Số GCNKNMHTHH hạng Nhì: cấp ngày:.....

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:.....

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian thực tập dẫn tàu hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:

Đề nghị cấp GCNKNMHTHH: hạng Nhất

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

4. Họ và tên..... Sinh ngày..... Nơi sinh.....

Số GCNKNMHTHH hạng Nhất: cấp ngày:.....

Số GCNVHĐHTHH hiện có: cấp ngày:

Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:

(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)

Thời gian dẫn tàu có sử dụng GCNKNCMHTHH hạng Nhất:tháng; số lượt dẫn tàu:
Thời gian thực tập HTHH Ngoại hạng:tháng; số lượt thực tập dẫn tàu:
Đề nghị cấp GCNKNCMHTHH: Ngoại hạng
Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải:
(*nêu cụ thể tên vùng và các tuyến dẫn tàu*)
Hồ sơ kèm theo gồm có:
Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Ghi chú:

*Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, tương ứng với hạng hoa tiêu đề nghị
(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.*

Thủ trưởng đơn vị (1)

(*Ký tên, đóng dấu*)

**Mẫu Tờ khai danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn,
thời gian thực tập dẫn tàu**

Cơ quan chủ quản
Tên đơn vị (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI

Họ và tên hoa tiêu hàng hải/thuyền trưởng:

Sinh ngày: tháng..... năm..... Nơi sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Số GCNKNCMHTHH: ngày cấp:.....

Số GCNVHĐHTHH:..... ngày cấp:.....

Số GCNKNCM: ngày cấp:.....

Khu vực được phép dẫn tàu:.....

.....

.....

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian dẫn tàu an toàn của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

Dưới đây là danh sách tàu biển, thời gian thực tập dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải, thuyền trưởng
.....:

TT	Ngày dẫn tàu	Tên tàu	Tổng dung tích	Chiều dài tàu	Tuyển dẫn tàu		Ghi chú
					Từ	Đến	

**Xác nhận của Cảng vụ hàng hải
khu vực**
(Nhận xét, ký tên và đóng dấu)

**Xác nhận của tổ chức hoa tiêu
hàng hải (2)**
(Nhận xét, đánh giá, ký tên và
đóng dấu)

**Thủ trưởng đơn vị
(1)**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Tích dấu √ vào ô tương ứng và điền đầy đủ thông tin về yêu cầu.

(1) Tổ chức hoa tiêu hàng hải hoặc đơn vị quản lý thuyền trưởng.

(2) Chỉ áp dụng đối với thuyền trưởng

Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải

1. Mẫu giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt ngoài)
(Kích thước 14cm x 20cm)

(Tên tuyến dẫn tàu)
Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: Thay đổi vùng hoạt động: Ngày thay đổi: <div style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</div>
Giấy chứng nhận này được cấp đến: Thay đổi vùng hoạt động: Ngày thay đổi: <div style="text-align: right;">Chữ ký và tên của người được ủy quyền</div>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

2. Mẫu Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải (mặt trong)
(Kích thước 14cm x 20cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN VÙNG HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU HÀNG HẢI
<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 80px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Ảnh màu 3 cm x 4 cm </div>
Số:...../GCN

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận:
Ông (bà): Sinh ngày: Nơi sinh: Quốc tịch: Đơn vị công tác: Có GCNKNCM hoa tiêu hàng hải số: Được dẫn tàu trên các tuyến trong vùng hoa tiêu hàng hải: (Tên vùng hoa tiêu hàng hải) Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Phần II – NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ THAY THẾ

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC.

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu hồ sơ hợp lệ, cấp giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển và trả kết quả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với vận tải quốc tế, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển theo mẫu.

+ Danh sách các chức danh kèm theo hồ sơ của từng chức danh và bằng, chứng chỉ liên quan đến bộ phận quản lý an toàn theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code); bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code); bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác tàu biển; bộ phận thực hiện công tác pháp chế (01 bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên. Mức bảo lãnh tối thiểu là 05 (năm) tỷ Đồng Việt Nam (01 bản chính).

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

- Đối với vận tải nội địa, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển theo mẫu;

+ Danh sách các chức danh kèm theo hồ sơ của từng chức danh và bằng, chứng chỉ liên quan đến bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác tàu biển (01 bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên. Mức bảo lãnh tối thiểu là 500 (năm trăm) triệu Đồng Việt Nam (01 bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (01 Bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

8. Phí, lệ phí:

- Phí: 1.000.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế

- Điều kiện về tổ chức bộ máy

+ Có bộ phận quản lý an toàn theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code);

+ Có bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code);

+ Có bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải biển;

+ Có bộ phận thực hiện công tác pháp chế.

- Điều kiện về tài chính: Phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên; mức bảo lãnh tối thiểu là 05 tỷ đồng Việt Nam.

- Điều kiện về tàu thuyền: Phải có tối thiểu 01 tàu biển; nếu tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Điều kiện về nhân lực

+ Người phụ trách hệ thống quản lý an toàn, an ninh hàng hải phải được đào tạo, huấn luyện và được cấp chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

+ Người phụ trách bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải biển phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế;

+ Người phụ trách bộ phận thực hiện công tác pháp chế phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật;

+ Thuyền viên làm việc trên tàu biển phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, tiêu chuẩn về sức khỏe và được cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Thuyền viên Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, được cấp chứng chỉ chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

b) Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa

- Điều kiện về tổ chức bộ máy: Có bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải biển.

- Điều kiện về tài chính: Phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên; mức bảo lãnh tối thiểu là 500 triệu đồng Việt Nam.

- Điều kiện về tàu thuyền: Phải có tối thiểu 01 tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Điều kiện về nhân lực

+ Người phụ trách bộ phận quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải biển phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế;

+ Thuyền viên làm việc trên tàu biển phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, tiêu chuẩn về sức khỏe và được cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu biển phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chuyên môn, được cấp chứng chỉ chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; Mã số doanh nghiệp:..... do cấp ngày ... tháng ... năm 20.....

4. Ngành, nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	Vận tải biển nội địa
2	Vận tải biển quốc tế

5. Lý do cấp/cấp lại:

Doanh nghiệp, hợp tác xã chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép./.

Kèm theo Tờ khai:

-

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20.../GCN-CHHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

(Cấp theo quy định tại Nghị định số..... /20.../ND-CP
ngày ... tháng ... năm 20 của Chính phủ)

Ngày cấp:.....

Ngày cấp lại lần thứ nhất:.....

Ngày cấp lần thứ hai:.....

1. Tên doanh nghiệp (chữ in hoa):

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; Mã số doanh nghiệp:..... do cấp ngày ... tháng ... năm 20.....

3. Địa chỉ trụ sở chính (ghi đầy đủ số nhà/đường, phố/xã, phường/huyện, quận/tỉnh, thành phố):
.....

4. Dù điều kiện kinh doanh vận tải biển (quốc tế/nội địa):.....

Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển và 01 bản lưu tại Cục Hàng hải Việt Nam./.

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: “Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số.... ngày.....tháng... năm....”

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC.

Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng: Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển cho doanh nghiệp.

- Trường hợp có thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận:

+ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu hồ sơ hợp lệ, cấp giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp.

+ Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển và trả kết quả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng, hồ sơ bao gồm: Tờ khai đề nghị cấp lại theo mẫu.

- Trường hợp có thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đề nghị cấp lại theo mẫu;

+ Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển được cấp lại phải ghi rõ việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển đã được cấp trước đó.

8. Phí, lệ phí:

- Phí: 500.000 đồng/Giấy.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển được cấp lại trong các trường hợp sau:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng;

- Có sự thay đổi các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Email: Website:
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; Mã số doanh nghiệp:..... do cấp ngày ... tháng ... năm 20.....
4. Ngành, nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	Vận tải biển nội địa
2	Vận tải biển quốc tế

5. Lý do cấp/cấp lại:

Doanh nghiệp, hợp tác xã chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép./.

Kèm theo Tờ khai:

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-

Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20.../GCN-CHHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

(Cấp theo quy định tại Nghị định số..... /20.../ND-CP
ngày ... tháng ... năm 20 của Chính phủ)

Ngày cấp:.....

Ngày cấp lại lần thứ nhất:.....

Ngày cấp lại lần thứ hai:.....

1. Tên doanh nghiệp (chữ in hoa):

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; Mã số doanh nghiệp:..... do cấp ngày ... tháng ... năm 20.....

3. Địa chỉ trụ sở chính (ghi đầy đủ số nhà/đường, phố/xã, phường/huyện, quận/tỉnh, thành phố):
.....

4. Đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển (quốc tế/nội địa):.....

Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển và 01 bản lưu tại Cục Hàng hải Việt Nam./.

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: “Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số.... ngày....tháng... năm...”

3. Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đến Cơ quan đăng ký tàu biển đã được đăng ký trước đây hoặc cơ quan đăng ký tàu biển mới trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đề nghị đăng ký nội dung thay đổi theo mẫu;

- Thành phần hồ sơ tương ứng với nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản chính giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã cấp hoặc bản chính giấy chứng nhận xoá đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký; trường hợp tàu đang hoạt động trên biển hoặc đang ở nước ngoài thì có thể sử dụng bản sao nhưng chủ tàu phải cam kết và nộp bản gốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký mới được cấp;

- Nếu tàu biển đang được thế chấp thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người nhận thế chấp tàu biển đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 5% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký nội dung thay đổi;
- Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên tàu, tên chủ tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, cơ quan đăng ký tàu biển, tổ chức đăng kiểm tàu biển;
- Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi, chủ tàu phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đề nghị đăng ký thay đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi:(1)

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change of the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name *Dead weight*

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number *Gross tonnage*

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship *Net tonnage*

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all *Year of building*

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth *Place of building*

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft *Place of registry*

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power *Classification Agency*

Nội dung thay đổi:

Change in

Lý do thay đổi:

Reasons to change

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công
The ship Registration office vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Name of transport facility Type of ship (in case of ship registration/registry)